

BỘ TÀI CHÍNH  
Số: 06 TC/TQD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 1977

THÔNG TƯ

Về chế độ thu tài chính tạm thời áp dụng đối với các xí nghiệp quốc doanh ở các tỉnh và thành phố phía Nam

Sau ngày giải phóng, ở các Tỉnh và thành phố phía Nam, Chính quyền cách mạng đã cho áp dụng chế độ thu tài chính tạm thời đối với các cơ sở kinh tế tư doanh và quốc doanh nhằm bảo đảm số thu thường xuyên và kịp thời cho ngân sách Nhà nước (Chỉ thị số 11-CT/75 của Thường vụ Trung ương Cục và Thông tư 296 ngày 6/8/1975 của Bộ Kinh tế Tài chính, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền nam Việt nam).

Đến nay, các tổ chức kinh tế quốc doanh phát triển ngày càng nhiều ở các tỉnh, thành phố phía Nam. Những xí nghiệp "công quản" cũ, những xí nghiệp được quốc hữu hoá hoặc do Nhà nước trực tiếp quản lý như xí nghiệp quốc doanh ngày càng nhiều. Tất cả các xí nghiệp này đều phải quản lý theo chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh của Nhà nước đã quy định. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý kinh tế tài chính theo chế độ hạch toán kinh tế đúng đắn, sát với hoạt động của các xí nghiệp quốc doanh, bảo đảm tập trung kịp thời và đầy đủ phân tích lũy tiền tệ vào ngân sách Nhà nước, tiến tới áp dụng chế độ thu tài chính thống nhất đối với các xí nghiệp quốc doanh trong cả nước sau khi được thường vụ Hội đồng Chính phủ đồng ý. Bộ Tài chính ra thông tư này quy định chế độ thu tài chính tạm thời áp dụng đối với các xí nghiệp quốc doanh ở các tỉnh và thành phố phía Nam như sau:

**1. Các khoản thu nộp của xí nghiệp quốc doanh vào ngân sách Nhà nước**

Chế độ thu tài chính Nhà nước đối với các xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương ở các tỉnh phía Nam sẽ bao gồm :

- Thu quốc doanh
- Thu nộp về chênh lệch giá
- Thu trích nộp lợi nhuận xí nghiệp quốc doanh

4. Thu nộp khấu hao cơ bản
5. Thu về hoàn vốn lưu động thừa (nếu có)
6. Thu về bán tài sản thừa (nếu có)

Không áp dụng các điều lệ thuế công thương nghiệp và thuế nông nghiệp đối với các xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương.

Các mức đóng góp bằng thuế hiện nay sẽ được thay thế bằng các hình thức đóng góp kể trên.

a) Về thu quốc doanh áp dụng đối với các xí nghiệp sản xuất công nghiệp có sản phẩm tự mình sản xuất hay cho gia công.

Về nguyên tắc, mức thu quốc doanh của từng loại sản phẩm là số chênh lệch giữa giá bán buôn công nghiệp với giá thành cộng (+) khoản lợi nhuận định mức. Nhưng hiện nay, trong hoàn cảnh các xí nghiệp quốc doanh ở phía Nam chưa xây dựng được giá thành, chiết khấu thương nghiệp, định mức lợi nhuận, nên mức thu tạm thời xác định bằng cách : tính gộp các mức thu theo hình thức thuế (thuế doanh nghiệp, thuế lợi tức, thuế tiêu thụ đặc biệt - nếu có) hiện đang áp dụng thành một mức thu gộp. Đối với những xí nghiệp đã xác định được giá bán lẻ sản phẩm, tạm tính được giá thành, thì tình toán cụ thể định mức lợi nhuận (tùy theo từng ngành từ 3% đến 10% trên giá thành từng sản phẩm hoặc tổng giá thành sản phẩm của xí nghiệp) và tạm xác định mức chiết khấu thương nghiệp để xác định mức thu quốc doanh cho thích hợp.

b) Về thu chênh lệch giá đối với các xí nghiệp lưu thông thương nghiệp, vận tải

Việc áp dụng chính sách giá cả, phương thức mua bán và việc hạch toán kế toán theo hệ thống giá cả trong ngành thương nghiệp quốc doanh theo qui định của Nhà nước tạo ra những khoản chênh lệch giá khi xí nghiệp thương mua vào và bán ra. Khoản chênh lệch giá này, nằm ngoài phần thu quốc doanh đã định trong giá bán buôn công nghiệp và nằm ngoài phần lợi nhuận xí nghiệp thương nghiệp được tính trong chiết khấu thương nghiệp. Vì vậy, khi khoản chênh lệch giá này phát sinh, thì xí

nghiệp thương nghiệp, vật tư phải nộp vào ngân sách Nhà nước khoản chênh lệch đó dưới hình thức thu chênh lệch giá như sau :

Khi nhập kho hàng lưu thông, xí nghiệp phải nộp vào ngân sách Nhà nước các khoản :

1) Chênh lệch giá thu mua hàng thủ công nghiệp, hàng công nghiệp nhập khẩu và các hàng công nghiệp khác.

Mức chênh lệch = giá chỉ đạo bán lẻ, trừ (-) chiết khấu thương nghiệp, trừ (-) giá mua thực tế

2) Chênh lệch giá thu mua hàng nông sản, thực phẩm.

Mức chênh lệch = giá chỉ đạo thu mua tại thị trường chính địa phương trừ (-) giá mua thực tế.

3) Chênh lệch giá thu mua hàng gia công (đối với những xí nghiệp thương nghiệp, vật tư có làm nhiệm vụ gia công, sản xuất phụ thuộc).

Mức chênh lệch = giá chỉ đạo bán lẻ trừ (-) chiết khấu thương nghiệp trừ (-) giá thành kế hoạch.

Khi bán hàng xí nghiệp phải nộp cho ngân sách Nhà nước các khoản :

1) Chênh lệch giá khu vực.

Mức chênh lệch = giá bán lẻ thị trường chính nơi xí nghiệp bán trừ (-) giá bán lẻ thị trường chính nơi xí nghiệp mua.

2) Chênh lệch giá hàng bán 2 giá (giá cung cấp và giá cao).

Mức chênh lệch = giá bán lẻ tự do trừ (-) giá quy định hạch toán tồn kho (giá cung cấp hoặc giá bán bình thường).

3) Các khoản chênh lệch giá khác phát sinh : Do nông sản thực phẩm được để lại tiêu thụ tại địa phương nên có chênh lệch giữa giá bán lẻ với giá chỉ đạo thu mua (+) thặng số thu mua, cộng (+) chi phí bán lẻ; do bán hàng vật tư kỹ thuật, tư liệu sản xuất theo giá lẻ nên có chênh lệch giữa giá bán buôn và giá bán lẻ.

Trường hợp chưa có giá mua, hoặc giá bán chính thức thì căn cứ vào giá thực tế giao nhận hàng hoá theo kế hoạch giữa bên mua và bên bán để tính khoản chênh